

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 496/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025
nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 344/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 433/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương) của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương;

Xét Tờ trình số 1766/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa

phương; Báo cáo thẩm tra số 656/BC-BKTNS ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

Điều chỉnh khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương, cụ thể:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư

1.1. Điều chỉnh giảm vốn chuẩn bị đầu tư và vốn của 05 dự án với số vốn là 29.037 triệu đồng, cụ thể:

(1) Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030: giảm 15.000 triệu đồng.

(2) Dự án Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: giảm 2.294 triệu đồng (giảm từ 7.727 triệu đồng xuống còn 5.433 triệu đồng).

(3) Dự án Sh07: giảm 5.715 triệu đồng (giảm từ 17.390 triệu đồng xuống còn 11.675 triệu đồng).

(4) Dự án Sh06: giảm 3.438 triệu đồng (giảm từ 17.410 triệu đồng xuống còn 13.972 triệu đồng).

(5) Phòng trưng bày Không gian văn hoá công chiêm Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh: giảm 190 triệu đồng (giảm từ 6.374 triệu đồng xuống còn 6.184 triệu đồng).

(6) Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiểu dự án tỉnh Gia Lai: giảm 2.400 triệu đồng (giảm từ 17.000 triệu đồng xuống còn 14.600 triệu đồng).

1.2. Điều chỉnh tăng vốn cho 01 dự án và vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia với số vốn là 29.037 triệu đồng, gồm:

(1) Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050: tăng 3.339 triệu đồng.

(2) Vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia: tăng 25.698 triệu đồng triệu đồng (tăng từ 218.228 triệu đồng lên 243.926 triệu đồng).

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư

Giảm vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (xử lý hụt thu năm 2019) từ nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư là 12.514,088 triệu đồng (giảm từ 58.478,742 triệu đồng¹ xuống còn 45.964,654 triệu đồng).

¹ Tại phụ lục 2.4 Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc Quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương.

3. Nguồn vốn điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị năm 2024

Tăng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (xử lý hụt thu năm 2019) từ nguồn vốn điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị năm 2024 là 12.514,088 triệu đồng.

4. Nguồn vốn xố số kiến thiết

- Giảm vốn Dự án Khu xạ trị và trang thiết bị - Bệnh viện đa khoa tỉnh: 39.000 triệu đồng (giảm từ 74.508 triệu đồng xuống còn 35.508 triệu đồng).
- Tăng vốn Dự án Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi: 20.000 triệu đồng (tăng từ 49.296 triệu đồng lên 69.296 triệu đồng).
- Tăng vốn Dự án Trung tâm y tế huyện Kbang: 19.000 triệu đồng (tăng từ 10.850 triệu đồng lên 29.850 triệu đồng).

5. Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi trong thực hiện dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2024

Bổ sung vốn uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù tại địa phương: 6.520,098 triệu đồng.

(Kèm theo biểu và phụ lục 1, 2)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Hai mươi bảy thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Văn Đạt

BIÊN BẢN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	 Số quyết định phê duyệt dự án, thành lập ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Kế hoạch vốn DTCT trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh		Chức năng đầu tư	Giải chủ
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
A	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư						792.203	763.987	299.129	299.129	29.037	29.037	299.129	299.129		
I	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030						15.000	15.000	15.000	15.000	15.000					Trung ương chưa thông báo vốn giai đoạn 2026 - 2030. Vì vậy chưa đủ điều kiện để phân bổ chi tiết trong đó 10 tỷ đồng là vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí năm 2025 và 5 tỷ đồng kết dư của năm 2024
II	Quốc phòng						131.560	103.344	42.527	42.527	11.447		31.080	31.080		
I	Xây dựng chốt chặn đầu dân quân thường trực các xã biên giới dài liên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Pông, Đăk Cờ, Ia Grai	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	51.560	23.344	7.727	7.727	2.294		5.433	5.433	Bộ CHQS tỉnh	Giảm chi phí dự phòng do không sử dụng để đảm bảo tỉ lệ giải ngân theo Công điện số 32/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
2	SN07	Gia Lai	2023-2025	5357/QĐ-BCH ngày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	17.390	17.390	5.715		11.675	11.675	Bộ CHQS tỉnh	Giảm chi phí dự phòng, dân bù GPMB... để đảm bảo tỉ lệ giải ngân theo Công điện số 32/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
3	SN06	Gia Lai	2023-2025	5356/QĐ-BCH ngày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	17.410	17.410	3.438		13.972	13.972	Bộ CHQS tỉnh	
III	Văn hoá						6.700	6.700	6.374	6.374	190	-	6.184	6.184		
I	Phòng trưng bày Không gian văn hoá công cộng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh	Pleiku	2025	161/QĐ-SKHD-T ngày 30/12/2024	6.700	6.700	6.700	6.700	6.374	6.374	190		6.184	6.184	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Giảm chi phí dự phòng và tiết kiệm sau đấu thầu
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						90.555	90.555	17.690	17.000	2.400	-	14.600	14.600		
I	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiêu dự án tỉnh Gia Lai		2017-2025	652/QĐ-UBND ngày 09/6/2023; 1127/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	566.663	106.663	80.555	80.555	17.000	17.000	2.400		14.600	14.600	Sở Tài chính	Điều chỉnh giảm theo giá dự toán chi tiết được duyệt của các hạng mục
V	Quy hoạch						32.783	32.783	-	-	-		3.339	3.339		Bổ sung vốn để thanh toán dự án hoàn thành dự án Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
I	Lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050	Gia Lai	2021 - 2023	1015/QĐ-TTg ngày 14/7/2020; 1148/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	71.661	58.196	32.783	32.783				3.339	3.339	3.339	Sở Tài chính	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2025		Điều chỉnh giám vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP		
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						525.605	525.605	218.228	218.228		25.698	243.926	243.926		
I	Vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia	Các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025				525.605	525.605	218.228	218.228		25.698	243.926	243.926	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Điều chỉnh bổ sung vốn đối ứng còn thiếu cho Chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021 - 2025 (số vốn bổ sung có phụ lục số 1 kèm theo)
B	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư						58.478.742	58.478.742	58.478.742	58.478.742	12.514.088		45.964.654	45.964.654		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (xử lý lụt thu năm 2019)						58.478.742	58.478.742	58.478.742	58.478.742	12.514.088		45.964.654	45.964.654	Ayun Pa, Phú Thiện, Ia Pa, Đak Pơ, Đak Đoa, Chư Pết, Kbang	Điều chỉnh nguồn tiền sử dụng đất do được bổ sung từ nguồn điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị năm 2024 (có phụ lục 2 kèm theo)
C	Nguồn vốn điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị năm 2024										12.514.088		12.514.088	12.514.088		
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (xử lý lụt thu năm 2019)										12.514.088		12.514.088	12.514.088	Ayun Pa, Phú Thiện, Ia Pa, Đak Pơ, Đak Đoa, Chư Pết, Kbang	Có Thông báo số 247/TB-HĐND ngày 13/11/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (có phụ lục 2 kèm theo)
D	Vốn số kiến thiết								134.654	134.654	39.000	39.000	134.654	134.654		
I	Y tế, dân số và gia đình								134.654	134.654	39.000	39.000	134.654	134.654		
I	Khu xa trị và trang thiết bị Bệnh viện đa Khoa tỉnh	Plieku	2022- 2025	447/QĐ-UBND ngày 11/4/2023; 373/NQ-HĐND ngày 10/7/2024; 651/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	147.800	147.800	147.800	147.800	74.508	74.508	39.000		35.508	35.508	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Giảm vốn do tiết kiệm sau đấu thầu

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HIT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh		Chú đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP							
					Tổng số	Trong đó: NSDP											
2	Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho Khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi	Pleiku	2024 - 2026	384/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 325/QĐ-UBND ngày 16/7/2021; 1116/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	209.000	209.000	100.000	100.000	49.296	49.296		20.000	69.296	69.296	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện của dự án (dự án phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đồng thời với kế hoạch hàng năm, cụ thể KH DTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ 100 tỷ đồng tăng lên 120 tỷ đồng)	
3	Trung tâm y tế huyện Khang	Pleiku	2024 - 2026	246/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	110.000	110.000	20.000	20.000	10.850	10.850		19.000	29.850	29.850	UBND huyện Khang	Vốn năm 2025 đã giải ngân được 88,5%. Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện của dự án (dự án phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đồng thời với kế hoạch hàng năm, cụ thể KH DTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 từ 20 tỷ đồng tăng lên 39 tỷ đồng)	
B	Lý thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội											6.520,098	6.520,098	6.520,098			
1	Lý thác vốn qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù tại địa phương											6.520.098	6.520,098	6.520.098	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	Bổ sung vốn theo Thông báo số 278/TB-HĐND ngày 18/4/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh	



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ
HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 496/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Triệu đồng

TT	Địa phương	Kế hoạch vốn năm 2025	Ghi Chú
I	TỔNG CỘNG	25.698	
1	Đức Cơ	5.239	
2	Ia Grai	2.244	
3	Ia Pa	11.088	
4	Krông Pa	4.311	
5	Phú Thiện	2.816	

Ghi chú: Ưu tiên bố trí cho Dự án 1 thuộc chương trình để triển khai hoàn thành tiến độ chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.



Phụ lục 2

BỔ SUNG VỐN ĐỀ THU HỒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 496/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 tiền SDD tỉnh đầu tư bố trí để hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XD NTM năm 2019 (tại Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 10/12/2024)	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2025 tiền SDD tỉnh đầu tư bố trí để hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XD NTM năm 2019 còn lại sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm kế hoạch vốn năm 2025 tiền SDD tỉnh đầu tư bố trí để hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XD NTM năm 2019	Bổ sung từ nguồn vốn điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị năm 2024 tại		
	Tổng số	58.478,742	12.514,088	12.514,088	45.964,654	
1	Thị xã Ayun Pa	1.872,178	400,635	400,635	1.471,543	
3	Huyện Phú Thiện	5.389,644	1.153,350	1.153,350	4.236,294	
3	Huyện Ia Pa	5.389,644	1.153,350	1.153,350	4.236,294	
4	Huyện Đak Pơ	8.084,047	1.729,936	1.729,936	6.354,111	
5	Huyện Đak Đoa	5.389,644	1.153,350	1.153,350	4.236,294	
6	Huyện Chư Pưh	5.389,644	1.153,350	1.153,350	4.236,294	
7	Huyện Kbang	26.963,941	5.770,1170	5.770,1170	21.193,824	